

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TBV23B1**

Năm học: **23-24**

Mã MH/MĐ: **MH04066**

Học kỳ: **01**

Tên MH/MĐ: **ĐTPH dịch hại cây trồng**

Số TC: **4**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2					Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2356201163416	Lê Thị Kim	Anh	31/03/2008			8	8.0	8.0	8.0	7.5	8.5	7.5		7.7
2	2356201163417	Thái Thiện	Ân	07/04/2008			8	8.0	8.5	7.5	7.5	8.5	10.0		9.2
3	2356201163418	Ngô Minh	Chánh	16/11/2008			6	7.0	5.0	5.0	5.0	5.0	6.0		5.8
4	2356201163419	Lê Thị Ngọc	Chi	06/10/2008			8	7.5	8.5	8.0	7.5	8.0	8.5		8.3
5	2356201163420	Dương Hoàng	Hiếu	09/04/2008			6	5.5	6.0	6.5	5.5	5.0	6.8		6.4
6	2356201163421	Nguyễn Huỳnh Hữu	Huy	25/04/2008			8	8.0	8.0	8.0	7.5	8.0	8.8		8.4
7	2356201163422	Trương Hoàng	Huy	10/10/2006			5	5.5	5.5	6.0	5.5	5.0	8.8		7.5
8	2356201163423	Chau Ny	Kanl	12/12/2008			7	6.5	7.0	6.5	6.5	5.0	8.3		7.5
9	2356201163424	Lê Phúc	Khang	05/04/2008			7	6.5	7.0	7.0	8.0	7.0	7.0		7.0
10	2356201163426	Trương Nguyễn	Khoa	29/11/2007			5	5.5	5.5	6.0	5.5	5.0	5.0		5.2
11	2356201163427	Nguyễn Thị Khánh	Ly	29/12/2006			8	7.5	8.5	8.0	7.5	8.0	7.5		7.7
12	2356201163428	Nguyễn Văn	Mãi	04/11/2008			8	8.5	8.0	7.5	8.0	8.0	8.0		8.0
13	2356201163429	Dương Văn	Minh	12/07/2006			7.5	7.5	7.0	8.5	7.0	6.0	7.0		7.1
14	2356201163430	Nguyễn Thiện	Nam	26/06/2008			7	7.0	6.0	6.0	5.5	5.0	4.3	7.5	6.9
15	2356201163431	Lê Thị Ngọc	Ngà	02/08/2008			8	7.5	8.5	8.0	7.5	8.0	10.0		9.2
16	2356201163432	Nguyễn Thị Kim	Ngân	07/03/2006			8	8.0	8.5	8.5	8.5	8.5	8.3		8.3
17	2356201163433	Đoàn Trọng	Nghĩa	25/12/2007			6	7.0	5.0	5.0	5.0	5.0	6.8		6.3
18	2356201163434	Nguyễn Văn	Nguyên	10/07/2008			8	7.0	7.0	7.0	6.0	5.0	7.3		7.0
19	2356201163435	Phạm Đặng Khôi	Nguyên	10/01/2008			8	7.5	8.5	8.0	7.5	8.0	7.8		7.8
20	2356201163436	Nguyễn Thanh	Nhàn	06/05/2008			7	6.5	7.0	6.5	7.0	7.0	7.3		7.1
21	2356201163437	Nguyễn Huỳnh	Phát	28/04/2000			8	8.0	8.5	8.5	8.0	7.5	8.5		8.3
22	2356201163438	Nguyễn Hoàng	Phúc	18/01/2008			5	5.5	5.5	6.0	7.0	7.0	7.3		6.8
23	2356201163439	Nguyễn Nhứt	Qui	17/03/2008			5	5.5	5.5	6.0	5.5	5.0	5.5		5.5
24	2356201163440	Lê Huỳnh	Thành	01/05/2008			8	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	5.0		6.1
25	2356201163441	Nguyễn Tấn	Thông	16/11/2008			7	6.5	7.0	7.0	8.0	7.0	5.0		5.8
26	2356201163442	Nguyễn Thị Minh	Thư	18/04/2008			8	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0		7.3
27	2356201163443	Nguyễn Phạm Thanh	Tiến	04/04/2008			7	7.0	6.0	6.0	5.5	5.0	3.0	7.5	6.9
28	2356201163444	Lương Phú	Toàn	15/09/2008			7	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	3.0	8.0	7.6
29	2356201163445	Chau Sátth	Trí	11/09/2008			7	6.5	7.0	6.5	6.5	5.0	5.0		5.5
30	2356201163446	Bùi Vĩnh	Tường	14/06/2008			7	6.5	7.0	7.0	8.0	7.0	3.5	3.3	4.9
31	2356201163447	Nguyễn Đông	Uy	20/05/2005			7.5	7.0	7.5	7.0	7.0	7.5	9.8		8.8
32	2356201163448	Phan Thanh	Vĩ	23/04/2008			7.5	7.5	7.5	8.0	7.5	7.5	9.5		8.7
33	2356201163449	Nguyễn Ngọc Lan	Vy	20/03/2008			8	8.0	8.5	7.5	7.5	8.0	9.5		8.9

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
-----	------	--------	-----------	---------	---------	--------	--------	------------

Châu Đốc, ngày 12 tháng 3 năm 2024

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Ngô Thị Thanh Tâm